

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**

BIỂU MẪU 19

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học năm học 2021 - 2022

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Đơn vị tính (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	103.507,70	x		
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	103.507,70	x		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại...				
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	46.694,50	x		
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	46.694,50	x		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại...				

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng Thí nghiệm Vật lý Đại cương	1	Thí nghiệm Vật lý đại cương	GV, SV	144,79	x		
	Phòng Thí nghiệm Phương pháp Vật lý I-II	1	Thực hành phương pháp Vật lý	GV, SV	193,05	x		
	Phòng Thí nghiệm động vật	1	Dạy thực hành bộ môn động vật	GV, SV	193,05	x		
	Phòng Thí nghiệm Hóa phân tích, Hóa vô cơ	1	Thực hành vô cơ và phân tích	GV, SV	193,05	x		
	Phòng Thực hành Điện tử	1	Thực hành điện tử	GV, SV	107,50	x		
	Phòng Phân tích hiện đại 2	1	Phân tích các chỉ tiêu hóa lý và môi trường	GV, SV	247,81	x		
	Phòng Thí nghiệm Hóa Lý - Hóa hữu cơ	1	Thực hành đại cương - hóa lý - hóa hữu cơ	GV, SV	148,69	x		

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
	Phòng Thí nghiệm Thực vật	1	Dạy thực hành bộ môn thực vật	GV, SV	198,25	x		
	Phòng Thí nghiệm Vi sinh	1	Thí nghiệm Vi sinh - Môi trường	GV, SV	198,25	x		
	Phòng Thí nghiệm Thủy sản	1	Thí nghiệm Thủy sản	GV, SV	99,13	x		
	Phòng Thí nghiệm Phân tích Môi trường	1	Thí nghiệm Phân tích môi trường	GV, SV	99,13	x		
	Phòng Thí nghiệm PPDH Hóa học	1	Thực hành phương pháp dạy học hóa học và RLNVSP	GV, SV	99,13	x		
	Phòng Bộ môn Hóa	1	Thực hành phương pháp dạy học hóa học và RLNVSP	GV, SV	99,13	x		
	Phòng Phân tích hiện đại 1	1	Phân tích các chỉ tiêu hóa lý và môi trường	GV, SV	214,04	x		
	Phòng Nghiên cứu cho học viên cao học và sinh viên	1	Học viên cao học và sinh viên làm thực nghiệm nghiên cứu khoa học	HVCH, SV	214,04	x		
	Phòng Nghiên cứu cho Giảng viên	1	Giảng viên làm thực nghiệm nghiên cứu khoa học	GV	214,04	x		
	Phòng Đo đạc và thí nghiệm đất	1	Đo đạc và thí nghiệm đất	GV, SV	139,11	x		
2	Phòng thực hành	28	Học tập, thực hành, nghiên cứu	GV, SV	3.801,15	x		
3	Xưởng thực tập	13	Học tập, thực hành, nghiên cứu	GV, SV	1.147,61	x		
4	Nhà tập đa năng	1	Học tập, hoạt động thể dục thể thao	GV, SV	2.472,65	x		
5	Hội trường	1	Học tập, hội thảo, văn nghệ, tổ chức sự kiện	GV, SV	930,35	x		
6	Phòng học	94	Học tập, nghiên cứu	GV, SV	12.137,87	x		
7	Phòng học đa phương tiện	6	Học tập, thực hành, nghiên cứu	GV, SV	1.284,24	x		
8	Thư viện							

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
9	Trung tâm học liệu	1	Học tập, nghiên cứu	CBGV, người học	2.087,88	x		
10	Các phòng chức năng khác (phòng làm việc)	114	Làm việc, nghiên cứu	CBGV	8.177,29	x		

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, ebook, cơ sở dữ liệu điện tử) thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng học	2
2	Số chỗ ngồi đọc	450
3	Số máy tính của Trung tâm Học liệu	76
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, ebook, cơ sở dữ liệu trong Trung tâm Học liệu (đầu sách, tạp chí)	Đầu sách: 25.880 đầu sách Tạp chí: 54 loại tạp chí Cơ sở dữ liệu trong thư viện: 2.293 đầu luận văn, luận án, sách, đề tài nghiên cứu khoa học...
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	8

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/ sinh viên

STT	Tên	Số lượng
1	Diện tích đất /sinh viên	103.507,70 m ² /số SV
2	Diện tích sàn/sinh viên	46.694,50m ² /số SV

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 9 năm 2021

Q. HIỆU TRƯỞNG



Lương Thanh Tân